



Nguyễn Trãi

Tôi biết rõ địch quân đã chiếm lấy phi trường Phú Cát từ sáng sớm ngày hôm nay, và tôi đã thực sự nằm trong tay kẻ địch, nhưng tôi vẫn cố tình “ăn va” để đánh đổi mạng sống của mình trong khi các vết thương vẫn tiếp tục ra máu. Có tất cả chín vết thương được Hạ Sĩ Nguyễn Mai, y tá Pháo Đội băng bó ngày hôm qua khi tôi được các quân nhân Pháo Đội phát giác ra tôi đã bị thương đang bò ngửa tiến gần đến cạnh chiếc xe jeep bị lật nằm nghiêng bởi một quả đạn B 40.

Trong chín năm làm lính, bây giờ tôi thực sự cảm thấy cô đơn đến tột cùng, xung quanh tôi không còn một người lính nào của phe mình nào cả. Tiếng súng cá nhân vẫn còn nổ một vài nơi trong phi trường, bên cạnh tôi là hai anh chàng nhóc thật trẻ mang hai cây AK , giọng nói rất Bắc Kỳ cho tôi biết đúng là đoàn quân chính quy Bắc Việt vừa chiếm được Phi Trường.

Mới hôm qua đơn vị của tôi còn đầy đủ với người và súng đạn đang di chuyển về hướng nam, hướng từ Phù Mỹ đi vào Quy Nhơn. Sự di chuyển như là một cuộc hành quân bình thường để mở đường



do một Trung Đoàn 47 Bộ Binh giải tỏa áp lực địch đang đè nặng trong vùng Bắc Bình Định.

Chiếc xe jeep đi đầu của tôi bị một quả B 40 và lật nằm nghiêng tại Cầu Cương. Năm người lính kể cả tôi trên xe đều bị thương, cánh tay trái bị một mảnh đạn B 40 ghim thẳng vô sâu bên trong đang chảy máu lênh láng, có năm chỗ nữa cũng được mảnh đạn ghim vào trên ngực, trên bụng và trên đùi cũng khá nặng. Sau xe tôi có tất cả hai chiếc xe Dodge và 10 chiếc xe GMC kéo súng đại bác và những quân dụng khác bị dừng lại vì xe của tôi đã nằm ngay giữa đường không thể nào đoàn xe phía sau tiếp tục hành trình.

Có muốn tiến tới cũng không được vì có một cái “lô cốt” đã bị tám người lính địch nằm trong đó bắn ra. Hai bên giao chiến với nhau cũng cả đến hơn nửa giờ mà bất phân thắng bại, cho đến khi một người tài xế ngồi băng vết thương trên cánh tay trái cho tôi bị bắn gục xuống và chết liền, tôi phản ứng tự nhiên ngóc đầu lên xem từ hướng nào bắn người lính chết thì tôi bị ba viên AK bắn vào đầu, ba viên đi từ sau ót xuyên ra hàm trái trên mặt tôi tạo thành một lỗ thủng lớn đi ra làm bể xương hàm.

Tôi nằm rất gần với cái “lô cốt” cho nên biết rất rõ tình hình địch, sau khi bò ngửa được trở lại gặp đơn vị, tôi đã bảo người Pháo Đội Phó trực xạ vào “lô cốt” và kết quả phe địch chết hết, phe ta một Hạ Sĩ Nhất Kiều Xuân Ba, người đã ném một quả lựu đạn ra phía trái con đường và cố chạy nhanh đến băng vết thương cho tôi chưa kịp nhét đầu cuộn băng vào đã bị bắn và chết ngay, bảy quân nhân khác bị

thương trong đó có tôi và một Thiếu Úy Trung Đội Trưởng.

Ở phía trước Trung Tâm Phối Hợp Hỏa Lực Trung Đoàn 47 ra lệnh trực tiếp bằng hệ thống vô tuyến cho tôi: “xử dụng M14”. Một cái lệnh mà cả đời làm Pháo Thủ không bao giờ muốn nhận, khi nhận nó như có luồng điện chạy rần khắp người và tê tái vô cùng, tôi hiểu rằng “tất cả xong hết rồi!”. Đó là đốt súng. Khối cơ bằm của súng đại bác được đóng kín lại, tháo chốt hỏa lực đạn (giống y như loại lựu đạn khói đánh dấu bãi đáp hay mục tiêu) bỏ vào nòng súng, nhiệt độ lên đến hai ngàn độ sẽ làm chảy nòng súng và súng bị bỏ lại địch sẽ không xử dụng được nữa.



Vì tôi là người bị thương nặng nhất cho nên được nằm trên chiếc băng ca, và cùng với tất cả các quân nhân bị thương khác được bỏ lên một chiếc xe kéo súng, chiếc xe cũng “tan nát” như người mà còn chạy được để đuổi kịp Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn đang ở phía trước khoảng 20 cây số. Pháo đội của tôi được giao lại cho Trung Úy Sinh lo liệu và tiếp tục tiến vào hướng Nam bằng đi bộ với vũ khí cầm tay. Tôi đã đưa cho Trung Úy Sinh một trăm ngàn đồng tiền nuôi ăn binh sĩ và bảo rằng “anh cố gắng đưa Pháo Đội về Hậu Cú tại An Sơn” Trung úy Sinh cầm tiền rồi mếu máo trong cảnh chia tay, tôi nhìn thấy Sinh với giọt nước mắt lăn trên má và nói “Trời ơi tiền dính đầy máu không hà” Máu trên đùi tôi chảy xuống dính vào tiền vì tôi bỏ tiền trong túi quần bên đùi phải.

Tôi bị mê mê và không nhìn thấy mọi vật xung quanh, ba viên AK bị bắn vào đầu đã làm cho tôi bị mù và bất tỉnh cũng đến hơn nửa giờ mới tỉnh lại. Giờ thì đang ra máu và bị mờ mắt. Xe không còn chạy được nữa vì có con suối chắn ngang. Tôi nằm im lặng trên băng ca và nghe tiếng những người quen leo lên xe thăm tôi khi đã bắt gặp được Bộ Chỉ

Huy Trung Đoàn 47 BB. Tiếng ông Đại Tá Lê Cầu Trung Đoàn Trưởng rất quen thuộc leo lên xe thăm tôi và ra lệnh cho thuộc cấp khiêng tôi cùng tất cả lính của tôi qua bên kia suối và tiếp tục chờ đi bằng xe của Trung Đoàn đang chờ sẵn bên kia bờ suối. Tiếng nói của Đại Úy Chương và của Trung Tá Nguyễn Trùng Hanh Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 220 Pháo Binh đang là Trung Tâm Trưởng Trung Tâm Phối hợp Hỏa Lực của Trung Đoàn, cũng bày tỏ sự thương cảm chia sẻ những vết thương của tôi.

Xe chạy có lẽ chừng một giờ đồng hồ, trời nắng như lửa đốt trên cánh đồng rừng thưa khoảng giữa Cầu Cương và Phù Cát, xe chạy trên những ụ đất bụi cây thấp nên bị giăng sóc nhiều càng làm những vết thương ra máu nhiều hơn. Bỗng tôi nghe tiếng nói lớn phát ra từ anh tài xế bộ binh lái chiếc xe chở tôi đi “Bắn vô xe, bắn vô xe”. Tâm trí tôi chợt tỉnh và hiểu ngay rằng người ta phải “bỏ của chạy lấy người rồi”. Tôi tê dại đi vài giây vì biết chắc mình bị bỏ rơi. Lính Pháo Binh của tôi không có ở đây vì khi chuyển đổi xe bên kia bờ suối thì người tài xế Pháo Binh duy nhất của tôi cũng tự lo cho thân mình nên không còn bên tôi nữa.

Tôi nhắm nghiền đôi mắt và tôi hiểu thế nào là sự chết sẽ đến với tôi trong lát nữa đây hay nhiều lắm là ngày mai khi tôi bị bỏ lại một mình giữa cánh rừng này lúc quân địch đến. Không có cái cảm giác sợ chết lúc này, nhưng cảm nhận cái chết đến gần rồi và tôi nghĩ đến người vợ đang ở Sài Gòn không bao giờ biết chuyện gì đã xảy ra, và cha mẹ tôi nữa Tôi nhớ rất rõ hình ảnh của người vợ mới cưới được tròn một năm, tôi nhớ như in hình ảnh người Mẹ mù lòa đã 50 năm bao giờ cũng thương nhớ đứa con trai đi lính cả năm mới về một lần cho bà gặp.

Mẹ tôi hay làm chuyện liều là cứ thấy tôi không về phép thì cứ bảo người chị đi đánh điện tín “Mẹ hấp hối con về gấp” làm cho tôi thất kinh hồn vía, dù đang hành quân tận rừng sâu cũng bằng mọi giá xin phép đơn vị trưởng cho về. Năm nào cũng có loại điện tín như vậy, tôi có trách sao Má

làm chi vậy thì bà bảo tại Má nhớ con quá và lo không biết con ra sao, cứ “đánh giây thép vậy thì con cũng sẽ được không có mặt tại chỗ nguy hiểm một vài ngày”. Tôi thương bà lắm, và dường như tôi cũng hiểu tôi là đứa con trai được bà cưng nhất nên đành phải chịu giải pháp về phép bằng điện tín. Tôi nói thầm trong cuống họng trong khi đang hình dung ra hình ảnh người vợ tại Sài Gòn “Anh vĩnh biệt em, anh không về với em được nữa và tôi cũng hướng về Ba Má tôi và cũng chào như vậy”. Thế nhưng cái số của tôi còn may mắn khi tôi nghe một tiếng nói giọng người Nam rất quen thuộc của Hạ Sĩ Loan hỏa đầu vụ chuyên nấu bếp của Pháo Đội “Trời, sao Đại Úy nằm ở đây, tụi nó đi đâu hết rồi.. “ .

Loan là người lính mà tôi thường gọi lên la rầy nhưng không phạt vì tội làm thịt chó trong Pháo Đội đã nhiều lần, Loan và tôi chia tay nhau cũng đã hơn ba giờ đồng hồ từ khi tôi được xe GMC tải thương, còn Loan thì đi theo đội hình do

Trung Úy Sinh điều động. Hạ Sĩ Loan có ý trách sao không có lính bên cạnh tôi. Nó bảo “Đại úy đại úy xích lại đây em công đi”. Tôi nói “còn tới 35 cây số nữa



làm sao mà công nổi” Loan bảo “kệ nó tới đâu hay tới đó”

Tôi cũng nhắm mắt mặc cho sự thể ra sao thì ra, có thể nó cũng sẽ đuổi sức và bỏ tôi nằm lại dọc đường chưa biết chỗ nào nhưng cũng phải biết ơn Loan và đây chính là cái tình cảm thiêng liêng của thuộc cấp dành cho cấp chỉ huy. Một cánh tay của tôi bị mảnh đạn cho nên không bám vào người của Loan được nên người tôi cứ bị tuột xuống thiếu điều rơi xuống đất, Loan đã phải sóc lên cho thẳng bằng nhiều lần. Nắng nóng lắm, mồ hôi Loan ra đầm đìa, từng bước chân

của Loan có vẻ chậm lại dần và yếu ớt. Phải nói rằng Loan là một ân nhân thật tuyệt vời của tôi, nếu không có Loan chắc chắn tôi bị bỏ quên trên chiếc GMC này và rồi sự sống sẽ ra sao, nhưng tôi cũng không tin rằng Loan còn đủ sức lực để công tôi đi tiếp tục trên những con đường đầy bụi rậm xuống dốc lên đồi như thế này.



Đúng vào lúc như tuyệt vọng ấy tôi nghe tiếng của Trung Úy Sinh đang sát bên cạnh: “đề Đại Úy xuống, đề Đại Úy xuống, đề tôi đi tìm người..” Một lúc sau có sáu người lính của Pháo Đội tôi đứng xung quanh và Sinh nói như ra lệnh “hai người khiêng Đại Úy một lần, khi nào mệt thì thay cặp khác”.

Tôi nằm trên chiếc võng nylon có cái đòn tre bắt ngang làm cán, Sinh tìm đâu có chiếc mền dù đắp lên người tôi. Chiếc võng khi xuống suối làm cho thân thể tôi chạy chúm đầu xuống gần tới đầu võng, khi lên suối lại chạy ngược cơ thể ra phía sau, cứ như thế mà tuột tới tuột lui vì khiêng tôi toàn trên cánh đồng rừng thưa với nhiều con suối lạch. Rồi cũng vào đến vòng đai phi trường Phù Cát.

Hàng rào phòng thủ Phi Trường bằng loại kẽm gai dựng đứng chen lẫn kẽm gai cuộn tròn, cũng may đã có dấu chân của bộ binh dẫm trước nên chỉ bước đúng theo dấu chân ấy để không đạp mình. Chiều đã xuống thấp, mặt trời chỉ chút nữa là đi trốn, những chiếc máy bay C130 cuối cùng bay lên trong hàng loạt đạn phòng không của địch bắn lên, tôi thầm cầu nguyện cho đừng trúng chiếc nào.

Khi vào được vòng kẽm gai cuối cùng coi như thoát được nguy hiểm sợ đạp phải mình của Phi Trường, mọi người đã thấm mệt và uể oải nhiều, bỗng Sinh nói thật lớn “có máy bay trực thăng, có máy bay, đề tôi xin cho Đại Úy đi” .

Tôi nằm trên vai trên đầu của những người lính bộ binh đang có mặt trên trục thẳng vì không còn chỗ trống nào hết. Trục thẳng cất lên có lẽ chừng mười thước thì nghe tiếng “RẮC” thật lớn, nó giồng giồng ba bốn cái rồi nằm yên, tôi chỉ biết lúc nghe tiếng RẮC và giồng giồng rồi sau đó bất tỉnh. Tôi không biết bao nhiêu lâu thì tôi được tỉnh dậy.

Mở mắt ra nhìn thì thấy ngay hai cái xác không đầu nằm song song với nhau và cách nhau một mét, tôi đã có linh cảm là xác của lính của tôi vì giống Trung Úy Sinh quá chừng, dáng người thấp mà vẫn gập hăng ngày mấy năm nay. Tất cả lính của tôi đều có mang bảng tên trên nắp túi bên phải, chính giữa túi bên trái có cái huy hiệu Pháo Binh 221, vậy mà bây giờ nó bay mất từ chỗ túi ấy trở lên nên không xác định được là ai với ai. Tôi thấy Binh Nhất Nghiêm là người lính của Sinh đang đứng gần tôi nên bảo “Nghiêm, em hãy tìm thử một trong hai cái xác ấy xem có tiền không”. Ý của tôi muốn nhờ tiền tôi đã đưa cho Sinh sáng nay một trăm ngàn để nuôi ăn binh sĩ để xác nhận cái xác ấy có đúng là Sinh không. Nghiêm nói trong nỗi sợ sệt đứt khoảng giọng: “không không em sợ quá” nó sợ vì phải chạm vào hai cái xác không có đầu. Tôi nói không có sao đâu, cứ lục đi.

Tôi bị máu ra nhiều suốt ngày và mệt quá nên thiếp đi, mắt nhắm nghiền, tôi nghe Nghiêm nói “Đại Úy ọ nếu Đại Úy chết rồi thì thôi, nếu còn sống thì em báo Đại Úy biết là tiền đã tìm thấy rồi, thằng Tấn đang giữ”. Tôi mở mắt ra và nói “ừ vậy là đúng Trung Úy Sinh rồi”.

Chiếc trục thẳng nằm chơ vơ một mình chỉ còn lại có tôi với hai cái xác không đầu và ba người lính Pháo Binh đang đứng xa hơn. Họ bỏ tôi lên cái võng và tiếp tục khiêng vào hướng phi đạo. Con đường từ đây vào đến phi đạo trở nên rất khó khăn vì các hàng rào kẽm gai ngăn cách ra từng khu vực. Chỉ có ba người cho một cái võng và một thân xác của tôi bất động khi phải lòn đầu võng qua lỗ kẽm gai đưa từ từ qua cho hết võng cũng tốn mười lăm phút một lần hàng

rào. Tôi vô cùng xúc động trước tình cảm của những người lính cuối cùng còn dang dúi đến tôi trong giờ phút này mà đáng lẽ họ đã phải tìm cách thoát thân lâu rồi

Những người Pháo Thủ đã khiêng tôi đặt trong một cái vòm cong dùng để sửa máy bay. Họ mệt nhoài nói trong nhịp thở hổn hên “tới rồi Đại úy tới rồi Đại úy”. Tôi nói, “cám ơn các em đã cứu tôi, hãy tìm đường trốn đi hãy để tôi nằm đây”. Đây cũng là những ân nhân của tôi trong ngày cuối cùng của đời lính, chưa hết đâu tôi vẫn còn được nhiều ân nhân khác nữa đã cứu tôi trong lúc mọi người đang hỗn loạn

Từng đoàn người lính của Trung Đoàn 47 lần lượt đi vào chỗ tôi nằm, tôi bảo một người mang máy PRC 25 cho tôi mượn máy và mở tần số cho tôi gọi Pháo Binh Sư Đoàn, gọi Tiểu Đoàn của tôi đang tại Căn Cứ An Sơn. Không có tiếng trả lời

Một lần nữa tôi đón lấy cảm giác tuyệt vọng, tôi thấy mình chắc chắn sẽ bị chết tại chỗ này khi mà những người lính bộ binh của Trung Đoàn lục đục đứng lên kéo nhau đi trong tiếng thì thầm “mở đường máu, mở đường máu”. Bản năng sinh tồn của tôi bùng dậy và tôi cũng đứng lên bước đi theo những người ấy. Tôi té quỵ xuống tức khắc, tôi thực sự biết mình sẽ chết khi mọi người đã đi hết. Chính lúc này tôi hiểu được cảm giác trước khi chết ra làm sao, và tôi lại một lần nữa nghĩ tới hình ảnh người vợ mới cưới năm ngoái, còn quá trẻ, đang ở Sài Gòn và gia đình cha mẹ tôi tại Nha Trang chắc không biết gì hết về cái chết của tôi.

Mờ sáng ngày hôm sau, chừng bốn giờ, giữa tiếng nổ của kho đạn trong phi trường, ánh lửa bùng bùng cháy vì đạn pháo của địch, tôi nghe tiếng quát “ai đây”. Những tên bộ đội Bắc Việt đang lục soát phi trường và bắt tù binh. Họ vẫn để tôi nằm yên khi thấy trong người tôi có chín vết thương đã được băng lại. Phải đến người thứ ba tôi mới bắt ép họ kêu những tù binh đang bị bắt đến khiêng tôi đi, vì tôi nghĩ thế nào lát nữa phi cơ oanh tạc từ Nhatrang sẽ phá nát chỗ

này. Thế là tôi được khiêng ra để nằm xuống chính giữa phi đạo cùng với các tù binh bị bắt khác. Một lúc sau, tất cả đều đi hết chỉ còn một mình tôi với chiếc võng treo trời và hai tên lính Bắc Việt miệng còn hôi sữa. Có chúng nó nhưng tôi cảm thấy cô đơn như chưa bao giờ thấy cô đơn.

Cô đơn vì đồng đội của mình không có ở đây nữa, tôi đang trong tay địch, nhưng họ thì mãi lo chuyện của họ cũng không đả động gì đến tôi. Tôi có hỏi sao không khiêng tôi đi thì được trả lời “bị thương chờ đó có bộ phận khác tới khiêng”.

Trong những giây phút tuyệt vọng và gần như không còn biết sợ là gì nhất là sẽ phải chấp nhận cái chết đến với mình,



Trục thăng tái thương

tôi cũng không bao giờ nghĩ ra được chuyện gì sắp xảy ra trong những ngày tới, buông xuôi theo định mệnh.

Câu chuyện chính hôm nay mà tôi muốn viết ra đây là NHỮNG MAY MẮN dần dà đến với tôi trong hoàn cảnh khốn cùng này. Những tấm lòng bác ái của con người giúp tôi, những điều kỳ diệu có được trong thế giới vô hình đã không thể nào phủ nhận khi đã cứu sống tôi. Tôi rất tin vào

sự kỳ diệu ấy và biết ơn, rất biết ơn những bàn tay, những tấm lòng đã cứu mang tôi trong thời gian tôi lâm nạn.

Diễn biến từng giai đoạn một, từng thời gian để cho tôi thấy từng tấm lòng của mỗi con người đã cứu giúp tôi. So với đại đa số những người lính trong những ngày cuối cùng của cuộc chiến thì tôi là kẻ không được may mắn; tôi đã bị thương khá nặng, bị bỏ lại chiến trường. Nhưng tôi lại chính là kẻ chịu được nhiều ơn trên của KẺ KHUẤT MẮT HAY PHƯỚC ĐỨC ÔNG BÀ ĐỂ LẠI cho nên đã có nhiều, nhiều người cứu giúp tôi. Và tôi trở thành NGƯỜI MAY MẮN.

Không biết có phải người cầm cây AK đã bắn dở cho nên ba viên đạn không đi thẳng vào đầu. Hay có phải vì có bàn tay vô hình nào đó đã làm cho những viên đạn lệch đi một centimet mà thoát ra bên má trái? Nếu không có Loan nhìn thấy tôi nằm trên xe GMC khi mọi người đang mạnh ai nấy thoát thân thì tôi cũng sẽ chết trên chiếc xe ấy. Giá như tấm lòng bác ái của Loan không dang rộng để cứu tôi đi. Không gặp được Sinh thì làm sao tôi có thể vào được tới bên trong phi trường. Không có ba người lính sau cùng còn nặng tình với cấp chỉ huy thì tôi cũng không đến được cái vòm sửa chữa máy bay mà nằm yên ở đó.

Ngày hôm sau ngày 1 tháng tư, trời bắt đầu mưa, tôi cũng tìm mọi cách để lết ra đến cổng phi trường. Trên đường đang lết đi trong phi trường tôi bị ba tên du kích vào phi trường hô của và đã đưa cao ba cây súng carbin M1 bắn tôi khi chúng nhìn thấy. Tôi giả vờ ngã ngựa ra sau để tránh làn đạn của chúng. Sau khi bắn xong cả ba tên chạy tới vừa chạy vừa nói “khóa an toàn làm sao mày”. Chúng hỏi đồng bọn chứ không phải hỏi tôi, thế là tôi biết ba tên nhỏ gà mờ mới vừa nổi.

Gần 10 tiếng đồng hồ tôi lết từ phi đạo ra đến cổng và gần đến nơi tôi ngã người ra như “ăn vạ” cái đám bộ đội đang giữ cổng, tôi nhất mực bảo rằng tôi là tài xế xe Dahasu bị thương hôm qua được lính Trung Đoàn khiêng vào bỏ trong phi trường. Họ không tin nhưng cũng chẳng làm gì và

bảo “nằm đó chờ bộ phận khác tới khiêng”.

Họ cũng khiêng tôi ra ngoài cái cổng gác phi trường bỏ nằm ở đó. Có cả gần hàng trăm người dân xúm lại xung quanh tôi hỏi thăm đủ chuyện. Họ là những người đi tìm chồng, tìm con trai hay anh em trong phi trường sau một ngày thất thủ. Họ không tin tôi là tài xế xe đó mà cứ vẫn cho rằng tôi là pilot vì họ vẫn nói “sao không đầu hàng để phải bị thương”.

Từ Phi Trường Phù Cát đi về Ngã Ba Gò Găng chắc cũng đến ba cây số, trời đã tối sẫm lại không nhìn thấy mặt nhau, thế thì làm sao tôi có thể rời khỏi nơi đây trong lúc tất cả đám dân chúng đang xung quanh tôi toàn là những người không có xe cộ gì hết. Tự nhiên cái may mắn đưa đến, có một anh chàng thanh niên lái chiếc xe Honda Dam chạy từ Ngã Ba Gò Găng trở tới. Mới đầu anh ta nhất định không dám dính líu vào tôi vì sợ chính quyền địa phương làm khó dễ. Tôi nhờ các người dân năn nỉ anh thanh niên cứu giúp tôi trong giờ phút này. Không biết vì động lực nào anh ta đã bằng lòng chở tôi đi. Anh ta cũng là một ân nhân mà tôi nhớ mãi.

Khi đến Ngã Ba Gò Găng, anh thanh niên nhờ mấy người đi đường khiêng tôi xuống khỏi xe Honda và đặt tôi nằm trên vỉa hè tại Ngã Ba. Ôi thôi rất đông người dân bu quanh lại, kẻ ngồi người đứng hỏi han tôi về tại sao bị thương, sao không đầu hàng để chi bị thương. Một người đàn bà lớn tuổi chắc cũng gần tuổi Mẹ tôi ngồi xuống cầm tay tôi làm như chính tôi là con của bà, bằng một giọng nói đầy thương cảm và xúc động bà hỏi “con có đói không”, tôi nói “dạ con đói lắm”. Bà nói để bác vào nhà gần đây xin gạo nấu cháo cho con ăn đỡ, nhà bác không phải ở đây. Tôi như vớ được cơ hội ngàn vàng “Bác ơi con bị ra máu nhiều con thèm sữa lắm, bác có thể xin cho con một chút sữa hộp được không?”

Một lát sau người đàn bà đem đến cho tôi lon sữa đặc, chỉ còn một chút xíu dưới đáy hộp, tôi mừng vô cùng, đúng là “một miếng khi đói bằng gỏi khi no”. Tôi thiếp đi không

biết bao lâu thì nghe tiếng nói của một người đàn bà trẻ khác gọi tôi, có lẽ cô này đi tìm chồng đang là lính Địa Phương Quân, một Tiểu Đoàn An Ninh Phi Trường Phù Cát. Cô ta nhìn tôi rồi xúc động khóc y như khóc cho chồng mình một cách ngon lành, cuối cùng khóc đã rồi đứng dậy bỏ đi.

Người đàn bà tuổi gần như Mẹ tôi hồi nãy đang bung một chén cháo chưa chín tới còn nóng hổi đem đến cho tôi và nói “con ơi con ăn cháo đi con, bác xin gạo nhà người ta nấu vội vàng cho con nè”. Tôi thật sự xúc động trước tấm lòng bác ái của bác này, không ngờ có đủ kiên nhẫn để đi xin gạo và nấu được cháo cho tôi, mà còn ngồi vừa thổi vừa đút từng muỗng cho tôi. Hành động từ tâm với tấm lòng thương người hoạn nạn thật đáng kính đáng biết ơn đến suốt đời dù chỉ là một chút sữa một chén cháo.

Hai người đàn ông đi đường ngang qua chỗ tôi nằm sau khi bà cụ đã rời đi. Họ thấy kẻ nằm vất vưởng bên vỉa hè trên người đầy khắp các vết thương. Hai người đàn ông khoảng 70 tuổi hỏi thăm tình trạng tại sao bị thương, và tôi xin hai bác giúp tôi tìm nơi cứu chữa. Một trong hai người nói “có chỗ này nhưng mà khiêng tới họ đánh chết”. Tôi có linh cảm rằng họ là kẻ thù mới đánh chết chứ một nhà thương làm gì phải đánh chết bệnh nhân. Rồi một trong hai người nói: “Mình nên để đức lại cho con cháu, mình cứ khiêng cậu này tới rồi bỏ đi liền”.

Thế là tôi được khiêng đi trên chiếc võng nylon vẫn mang theo bên mình, và khi tới nơi để tôi nằm trước hiên nhà, hai người đàn ông lớn tuổi nói lớn “cậu này nhờ tui khiêng tới đây xin bà cứu chữa giùm” rồi không chờ sự trả lời, hai ông đã vội vã đi ngay. Phải thành thật nói rằng đây cũng là những người ân nhân đã cứu tôi trong giai đoạn nguy khốn này. Nếu không có sự bằng lòng đưa tôi đến mái hiên này thì tôi sẽ ra sao.

Có tiếng người đàn bà đã lớn tuổi có lẽ là chủ nhà đứng bên cạnh thân thể tôi còn đang nằm trên võng đặt dưới hiên, bà ta chặc lưỡi và nói “không biết ông có chịu không đây”.

Tôi nghe và hiểu ngay rằng “ÔNG” là ai. Đứng trước một sự thể đã rồi, bà ta gọi cô con gái như là người phụ việc trong nhà bảo “đem chậu này ra sau thay băng rửa vết thương và chích thuốc cầm máu”.

Tôi được một người thanh niên và cô con gái này khiêng tôi ra nhà sau đặt lên chiếc giường có tấm Drap trắng toát của kiềng giường nhà thương. Người con gái cởi áo quần tôi ra và rửa vết thương, băng bó lại, có tất cả chín vết thương phải thay băng trên người mà hôm qua người y tá Pháo Đội của tôi đã băng.

Huyết tương và máu vẫn tiếp tục chảy ra ở những chỗ bị nặng, sau một lúc thì người con gái đã thấy tấm drap trắng thành màu đỏ, cô ta bảo tôi “anh chịu khó nằm bằng tấm nylong nghen anh vì không cầm được máu. Cô ta nấu cháo trắng một tay lòn vào lưng tôi đỡ người tôi lên cao một tay còn lại đút từng muỗng cháo cho tôi ăn. Tôi có cảm tưởng y như sự săn sóc của một người vợ dành cho chồng. Cô ta rất nhiệt tình săn sóc và cho biết “Đây là cái nhà Hộ Sinh tư của ông Nguyễn Văn Hiếu, ông mới vừa được bầu làm Chủ Tịch Xã sang nay, đáng lẽ giờ này em đã về nhà em rồi vì không có người đẻ, nhưng em thấy anh bị thương nặng quá em tự nguyện ở lại đây để đêm hôm anh có gì còn có em”. Cô ta đưa cho tôi cái “bô” và bảo anh có đi tiêu đi tiểu gì thì gọi em, cô ta kéo chiếc giường khác lại gần giường của tôi và nói “để em nằm gần anh lo cho anh”.

Có phải cái số của tôi được may mắn có người giúp đỡ săn sóc như thế này. Trong bốn ngày nằm tại đây người con gái đã lo cho tôi y như người vợ lo cho chồng rất dịu dàng rất tận tình, cô ta bỏ tiền túi ra mua cá về nấu cháo cá đút từng muỗng cho tôi ăn ngày hai bữa trong khi tay vẫn phải giữ sau lưng cho tôi ngồi thẳng bằng. Hình ảnh rất cảm động tôi nhớ như in và mang ơn đến khi chết vẫn còn nhớ, tôi muốn đi tìm người con gái này và nay chắc cũng làm bà nội bà ngoại để đền ơn.

Họ chuyển tôi đến một một nơi khác cùng chung với 11

người lính bị thương, họ đặt chúng tôi trên mấy cái bàn học trò trong một trường mẫu giáo trong làng xa tận đâu đâu, cũng có mấy người dân xóm quanh lại và hỏi từng người ai ăn gì họ đem tới, riêng tôi chỉ ăn cháo, và sau chừng một giờ họ gánh một gánh thức ăn đến chỗ chúng tôi nằm ngời, họ đút cháo cho tôi trong tình thương của người dân dành cho người lính Quốc gia mặc dù xung quanh họ đầy đầy những cô cậu mang AK nón cối dép râu đi tới đi lui.



một góc Quy Nhơn 1969

Buổi tối họ chở trả tôi về một căn nhà Hộ Sinh Công Cộng của Miền Nam trước đây, ở đây qua một đêm, có một người lính Thiết Giáp đã chết vì vết thương không thể cứu được, họ đào một cái lỗ trước nhà Hộ Sinh này và chôn xuống.

Cái miệng của tôi không thể nào há ra được vì ba viên AK phía sau ọt, những người lính cùng bị thương đang sống chung nhau hằng ngày nấu cháo cho tôi, huyết tương vẫn tiếp tục chảy ra mỗi khi húp cháo vào. Ở đây bảy ngày thì chính quyền Xã VC cho một chiếc xe lam tới đưa tất cả chúng tôi đi vào Quận An Nhơn nói là để tìm nhà thương

bác sĩ chữa vết thương

Thật ra cách làm việc của chính quyền mới lên không giống ai hết, mạnh ai nấy làm cho nên ông nói gà bà nói vịt. Chúng tôi được đưa vào trước Quận An Nhơn Bình Định, bỏ nằm lầy lất trên bậc thềm. Trong khi người du kích vào bên trong Quận để xin cho chữa bệnh những người chúng tôi thì có một anh chàng ra về cán bộ đi ngang thấy hiện tượng lạ bèn đến hỏi chúng tôi là ai mà nằm đây ngổn ngang.

Đang lúc hỏi và trong lúc vắng mặt người du kích áp tải thì tôi được một chú em từ Quy Nhơn đi xe Honda 67 chạy đến Nhà Hộ Sinh Công Cộng nơi chúng tôi trú ngụ bảy ngày qua tìm kiếm. Họ chỉ chúng tôi đã vào quận An Nhơn. Chú em đến thật bất ngờ và đúng lúc, người cán bộ muốn chúng tỏ ta đây có quyền hành đã đồng ý cho chú em làm đơn bảo lãnh tôi. Thật ra anh chàng cán bộ này không có quyền hành gì hết và không có dính dáng gì đến chúng tôi, cũng ừ ại. Thế là tôi được chú em, người dạy đánh máy chữ tại trường dạy đánh máy ở 102 Phan Bội Châu Quy Nhơn tìm đến giúp sau khi nhận được lá thư nhắn tin tôi bị thương nằm tại Phù Cát.

Có những diễn tiến từ những sự may mắn này tiếp nối may mắn khác đã đưa đẩy tôi từ vùng đang giao tranh mạnh ai nấy chạy cho đến khi được về đến nhà người quen tại thành phố Quy Nhơn. Ở đây không còn một người bác sĩ nào nữa hết, họ đã bỏ thành phố di tản vào Nha Trang hay Sài Gòn. Chú Nguyễn Trung đã tìm được một người y tá cũ đến nhà thay băng và chích thuốc cho tôi.

Mới chỉ có bốn ngày mà họ đã đòi hai chục ngàn đồng tiền săn sóc, Nguyễn Trung phải đi mượn để trả tiền cho người y tá, nhờ một thông báo của chính quyền CS Quy Nhơn cấp phát giấy thông hành, kêu người dân còn lại đi vào phía Nha Trang gọi thân nhân trở về đừng đi theo “Mỹ Ngụy”. Chú Nguyễn Trung đã lợi dụng cơ hội này xin được một giấy thông hành và khiêng tôi ra bến xe đò, gửi gắm người lơ xe đò cho tôi về đến quê nhà, thành phố Nha Trang.

Thời gian vẫn âm thầm chong chát lên trí nhớ, nhưng lòng tôi vẫn không bao giờ quên được từng hành động cử chỉ lời nói của những người đã cứu giúp tôi trong những ngày khốn khổ nhất cuộc đời. Đó là chưa kể trong thời gian tôi bị vào tù tù trong Nam cho đến ngoài Bắc vẫn có nhiều anh em bạn tù đã giúp đỡ tôi rất nhiều. Mỗi lần nghĩ đến là mỗi lần tôi cảm xúc thật nhiều và từng gương mặt của họ hiện ra trong trí.

Làm sao tôi quên được khi đang nằm trong trạm xá gần Trại 9 Thác Bà, trời mùa đông đất Bắc giá rét lắm, gần bốn năm giờ sáng cũng có người bạn không thân họ đến lay chân và hỏi ông nước tiểu để đâu chỉ cho tôi đi đố, quần áo nào dơ đưa cho tôi đi giặt giùm mà không hề đòi một điều kiện nào. Cũng có lúc có người bạn khác đòi công tôi qua bên kia suối mỗi khi di chuyển đổi chỗ ở vì tôi chong nạng suốt hơn năm năm trong tù. Hay có người khác dành thì giờ ngày nghỉ Chúa Nhật không đi lao động để may vá áo quần cho tôi. Tất cả đều tình nguyện mà không đòi điều kiện, trong khi cũng có những người khác họ làm vì muốn nhận chén bobo, hay khoai mì luộc hoặc mấy viên thuốc lào.

Trong nhiều trại tù cải tạo tại miền Bắc, bọn cai tù đã chuyển trại liên tục, và cái thân tôi lê lét trên chiếc nạng gỗ phải lội suối trèo đồi trong những lần đi bộ, nhưng bạn tù đầy lòng nhân ái đã có khi ẵm có khi khiêng tôi đi hay vác giùm đồ đạc cho tôi.

Những người bạn tù sáng Chúa Nhật nào cũng đến hỏi tôi áo quần dơ đâu đưa cho họ giặt, hay áo quần nào rách đưa cho họ khâu vá lại. Những câu nói ấy như những viên thuốc an thần giúp tôi rất nhiều trong đời sống khốn cùng của năm tháng tù đầy nơi đất Bắc.

Ước nguyện của tôi là muốn tìm gặp lại tất cả những ân nhân để cảm tạ, nói lời cảm ơn họ mà không biết đến bao giờ mới làm được.

Sự Kiện và Ngòi Bút

Sử Ký Của CSBV.

**XE TĂNG BẮC VIỆT & CÔNG DINH ĐỘC LẬP
TRONG NGÀY 30/4/1975.**

*****Ban Biên Tập Tập San BDQ cho đăng bài này để thêm một lần nhận rõ “cái gọi là lịch sử” của CSBV chỉ là những mẫu chuyện viết theo nhu cầu của đảng.**

Nguyễn Hoàng Dân.

Cuộc chiến tranh Vietnam đã chấm dứt hơn 43 năm, đánh dấu bằng việc các chiến xa thuộc lữ đoàn xe tăng 203 bắc quân tràn vào Phủ Tổng Thống VNCH, tức Dinh Độc Lập tại thủ đô Saigon vào trưa ngày 30/4/1975. Các thói tật tuyên truyền ưa vẽ lại lịch sử theo ý đảng, những tính toán đến độ chi li, nhỏ nhen khi đu dây giữa Moscow và Bắc Kinh, với bản chất nô lệ, thần phục đàn anh và vì tâm thế xu phụ, trá trở, ăn cháo đá bát tùy giai đoạn, bên cạnh những tranh chấp hư danh giữa các nhân vật có liên quan đang ở trên tuyến đầu vào lúc hỗn loạn đó, đã khiến cho một sự kiện lịch sử tương đối cụ thể và đơn giản là cuộc chiếm đóng Dinh Độc Lập bởi xe tăng cộng sản diễn ra như thế nào, bỗng trở nên quá rối rắm, bất nhất, khi này khi khác, dưới sự trình bày của các nhà viết sử cộng sản.

Thử tóm lược lại hoàn cảnh và diễn tiến khả tín nhất của sự kiện này, qua lời kể của một số nhân chứng tại chỗ - nhưng không được đảng công nhận, để viết lại cho đúng với thực tế hơn.

1/ Thực tế hoạt động tác chiến của lữ đoàn 203 xe tăng trên hướng đông nam Saigon cuối tháng 4/1975:

Lữ đoàn 203 xe tăng là lực lượng xung kích chính phối thuộc trong đội hình của quân đoàn 2 bắc quân, chịu trách nhiệm tiến đánh trên hướng đông nam Saigon, do Trung tá bắc quân Nguyễn Tất Tài làm lữ đoàn trưởng, Trung tá bắc quân Bùi Văn Tùng làm chính ủy và Trung tá bắc quân Trần Minh Công làm lữ đoàn phó.

Lữ đoàn 203 xe tăng có 4 tiểu đoàn tác chiến thuộc dụng, có cấp số trang bị 101 xe tăng loại T54, T59, thiết giáp lội nước PT76, thiết giáp PT85 và thiết giáp chở quân BTR50 cơ hữu. Trong các trận đánh từ Huế - Đà Nẵng vào đến Saigon, do có tổng cộng 43 chiến cụ các loại của lữ đoàn đã bị phá hủy, quân đoàn 2 phải tăng cường bổ sung cho lữ đoàn 203 thêm tiểu đoàn 5 thiết giáp lội nước thuộc trung đoàn xe tăng 574 của quân khu 5, nâng tổng số phương tiện cơ giới chiến đấu thực tế của lữ đoàn 203 lên 81 chiếc, với 46 xe tăng các loại, 34 thiết giáp các loại và 1 xe kéo (1).

Sáng 30/4 mũi tiền kích của quân đoàn 2 bắc quân gồm trung đoàn 66/304 phối hợp với tiểu đoàn 1 xe tăng, gồm hai đại đội 2 và 3/1/203 xe tăng tiến đánh cầu Tân Cảng, do tiểu đoàn 12 Dù Nam Quân phòng thủ. Giao tranh nổ ra rất quyết liệt, Nam Quân tổ chức đánh chặn, đã bắn cháy được 3 xe tăng và gây tổn thất rất nặng nề cho bắc quân (2). Trong đó có Ngô Văn Nhỡ, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 1 thuộc lữ đoàn 203 xe tăng bị tử thương. Dù nỗ lực đánh thông đường, nhưng bắc quân cũng không thể vượt được qua tuyến cản của quân Dù bên phía bờ tây cầu Tân Cảng.

Khi có lệnh buông súng, giải chiến của Tổng thống Dương Văn Minh (lúc 10 giờ 15), tiểu đoàn 12 Dù mới tự tan hàng và rời bỏ khu chiến lúc gần giữa trưa ngày 30/4/1975. Tuy đã cho gắn 2,000kg chất nổ TNT, nhưng quân Dù quyết định không phá sập cầu Tân Cảng theo như kế hoạch tác chiến đã tiên liệu (3).

Do hai đại đội 2 và 3 của tiểu đoàn 1/203 xe tăng đều tổn thất nặng, không còn khả năng tác chiến, đại đội 4/1/203 xe tăng của Bùi Quang Thận đang trừ bị cho tiểu đoàn 1 xe

tăng, gồm 7 xe tăng loại T54 và T59, được lệnh lên thay thế trong nhiệm vụ xung kích cho mũi tiền kích quân đoàn 2 và lúc này bắc quân mới vượt được qua cầu Tân Cảng, để tiến về phía Thị Nghè.

Tại cầu Thị Nghè, có 2 chiến xa hạng nhẹ M41 của Nam Quân đang phòng thủ đài phát thanh ra nghênh cản ở ngã tư Hồng Thập Tự - Nguyễn Bình Khiêm. Tại đây, Nam Quân đã bắn cháy 2 xe tăng T.59 số 307 và số 866. Do có lợi thế kỹ thuật của xe tăng hạng nặng hơn, các xe tăng còn lại của đại đội 4/1/203 xe tăng bắc quân đã bắn cháy 2 chiến xa M.41, vượt qua các ỏ kháng cự của lực lượng bộ binh Nam Quân và thẳng tiến về Dinh Độc Lập.

2/ Diễn tiến thực từ Thảo Cầm Viên đến Dinh Độc Lập:

Từ Thảo Cầm Viên các xe tăng của đại đội 4/1 di hành theo một hàng dọc trên đường Hồng Thập Tự, gồm có xe tăng số 879 của Bùi Đức Mai dẫn đầu, kế tiếp là xe tăng số 843 của Bùi Quang Thận, xe tăng số 390 của Vũ Đăng Toàn và xe tăng số 844 của Vũ Văn Giáo. Riêng xe tăng T54 số 380 tuy trực thuộc đại đội 4/1, nhưng trong trận đánh tại huân khu Long Thành, tức căn cứ Nước Trong, đã bị bắn hư hỏng nặng, trưởng xa và xạ thủ chính đều bị loại khỏi vòng chiến, xa đội chỉ còn hai người, nên tài xế Nguyễn Khắc Nguyệt tạm kiêm nhiệm trưởng xa, được lùi ra phía sau đội hình tấn công của tiểu đoàn 1 xe tăng, do đó đây là chiếc xe tăng thứ 20 của bắc quân và là chiếc xe cuối cùng của đại đội 4/1/203 xe tăng đi vào nội vi Dinh Độc Lập.

Do không thể có bản đồ nội đô Saigon, tất cả những trưởng xa của xe tăng bắc quân chỉ được hướng dẫn bắt đầu từ ngã tư Hàng Xanh, đi về hướng cầu Thị Nghè, vượt qua 6 ngã tư, đến ngã tư thứ 7, queo trái thì sẽ đến Dinh Độc Lập. Xe tăng của Bùi Đức Mai đi đúng sự hướng dẫn, xe tăng của Bùi Quang Thận rẽ trái sớm, lạc qua đường Pasteur, phải nhờ một người dân chỉ đến đại lộ Thống Nhất để tìm ra Dinh Độc Lập và xe tăng của Vũ Đăng Toàn thì xuống quá sâu,

cũng phải hồi đường để lui về đường Công Lý và rẽ phải qua Dinh Độc Lập.

Đoàn chiến xa của đại đội 4/1/203 bắc quân không còn gặp bất kỳ một sức kháng cự nào của Nam Quân trên đoạn đường này. Tại Dinh Độc Lập, theo lệnh Tổng Thống Dương Văn Minh, các cánh cổng chính, phụ đi vào sân dinh đều được mở ra sẵn, cũng không có những binh sĩ canh gác như thông lệ, vì liên đoàn liên binh phòng vệ Phủ Tổng Thống của Trung tá Võ Ngọc Lân cũng đã giải giới. Các trang bị vũ khí đều gom chắt đóng cạnh hồ nước ngoài sân cỏ (4).

.....Mặc dù đang lo sợ vô cùng, tôi vẫn đi bộ đến Dinh Độc Lập lúc 11 giờ sáng hôm đó (30/4/1975). Tôi đứng một mình phía trước dinh, giờ đây rất yên lặng như một viện bảo tàng, với những quân trang, quân dụng, vũ khí, thậm chí là các vũ khí nặng vất bỏ ngổn ngang ngay trên bãi cỏ. Không một bóng người ở bên ngoài, tôi bước qua cánh cổng sắt mở sẵn, băng qua bãi cỏ, đi ngang vài người lính miền nam đang cãi vã bên các bậc thềm trước cửa chính và tôi đi lên phòng khánh tiết ở tầng một..... (Borries Gallasch, Saigon Hochiminh City: (The Zero Hour, Reportage on the End of the Vietnam War, 1975).

Các trở ngại lạc đường khi hành tiến, tuy khiến các xe tăng của đại đội 4/1 đã đến Dinh Độc Lập từ những hướng khác nhau, nhưng không chênh lệch lắm về thời điểm.

Xe tăng số 879 của Bùi Đức Mai là chiếc đầu tiên chạy ào lên sân cỏ trước dinh, đồng thời có bản thị uy chỉ thiên một loạt đạn đại liên 12,7li. (**Lúc này chưa có một ai chụp hình hay quay phim được**). Xe tăng T.54 số 843 của Bùi Quang Thận là chiếc thứ nhì, nhưng qua cổng phụ và lái gấp, nên bị khựng lại do cổng hẹp và hướng đi bị xéo góc (Hình số 1).

Chiếc thứ ba là xe tăng loại T.59 số 390 của Vũ Đăng Toàn đến từ hướng đường Công Lý, có vị trí ở bên trái xe tăng 843, thấy xe 843 đang bị kẹt bên ngoài, nên lao nhanh qua cổng chính chạy vào dinh, nhưng cũng do tay lái nặng,

kém linh hoạt và queo gấp, làm mũi xe ép quá sát vào trụ cổng trái đã phá hư bản lề cánh cổng chính bên trái khiến cánh cổng bị bật ngã qua một bên sau khi xe 390 chạy vào trong sân dinh (Hình số 2).

Xe tăng số 844 của Vũ Văn Giáo đi sau cùng, cũng tiếp nối vượt qua cổng dinh (Hình số 3) và là chiếc thứ tư trong tổng số 5 xe tăng của đại đội 4/1/203 xe tăng bắc quân đến Dinh Độc Lập đầu tiên.

..... Chúng tôi còn đang đứng giữa phòng khánh tiết của tầng hai, thì cửa thang máy bật mở, bước ra là Tổng Thống Minh Lớn (Big Minh), Thủ tướng Vũ Văn Mẫu và một vài cận vệ thân cận đi vào. Trong lúc những nhân viên chung quanh cứ đi lại đầy vẻ lo âu, Big Minh vẫn đứng im lặng giữa phòng, nhìn qua cửa sổ phía trước dinh về hướng nhà thờ Đức Bà. Bỗng nhiên những tiếng nổ inh tai của súng máy vang lên, (**súng bắn từ tank số 879 khi tiến qua cổng chính**) phản ứng tự nhiên là tôi nằm rạp xuống, mong tìm kiếm sự che chắn đằng sau cây cột bê tông. Phút cuối cùng của việc đánh chiếm đã tới?? Không có tấm kính nào bị vỡ. Big Minh vẫn còn đứng nguyên chỗ cũ, to lớn như một bức tượng bên cạnh ông Thủ tướng thấp bé. Trước mắt chúng tôi xuất hiện một cảnh tượng không thể nào tin được, ba chiếc xe tăng treo những lá cờ mặt trận, đang tiến qua cổng sắt, hướng về phía bên hoa trước dinh và nổ súng bắn loạn xạ lên không trung..... (Borries Gallasch, sđd).

Các phóng viên nhiếp ảnh và ký giả quốc tế đang có mặt trong khuôn viên Dinh Độc Lập như Francoise Demulder và Jean Claude Labbe của Pháp Neil Davis của Úc và Borries Gallasch của Đức, lúc này mới dời chỗ ẩn núp để quay phim và chụp hình. (**lúc này chiếc tank số 879 đã vào trong sân**) Ở phía bên này sân cỏ và từ con đường trước cánh trái mặt tiền của dinh, phóng viên Francoise Demulder đã may mắn chụp được loạt ảnh đúng thời điểm xe tăng số 390 đang vượt qua cổng chính, xe tăng 843 đang kẹt bên ngoài và Bùi Quang Thận đang cầm

cờ chuẩn bị chạy vào (Hình số1).

Neil Davis cũng quay được một đoạn phim ngắn về diễn tiến của sự kiện này. Xe tăng 843 mới lùi ra, chỉnh hướng và chạy vào dinh.

Hai chiếc xe tăng đến sau (T59 số 390 & T54 số 843) vòng sang hai bên chiếc thứ nhất (879) và tất cả dừng lại ngay trước mặt tiền của Dinh Độc Lập. Khoảng 20 – 30 phút súng khác đã được bắn lên (5).

Bùi Quang Thận cầm lá cờ của CPCMLT treo trên xe tăng chạy bộ vào tới, được sinh viên nằm vùng Nguyễn Hữu

Thái dẫn đường lên sân thượng Dinh Độc Lập và treo cờ CPCMLT lên lúc 12 giờ 15 trưa ngày 30/4/1975.

Hình số 1: Xe tăng 843 đang bị kẹt tai công phụ và Bùi Quang Thận cầm cờ bắt đầu chạy bộ vào Dinh Độc Lập (Photo by Francoise Demulder, 1975)



Hình số 2:
Xe tăng số 843 đang chỉnh hướng đi vào và xe tăng số 390 ép ngã cánh công bên trái chạy sân cỏ Dinh Độc Lập



(Photo by Francoise Demulder, 1975).



Hình số 3: Xe tăng số 844 đang vượt qua cổng Dinh Độc Lập, khi tình thế đã bớt căng thẳng, binh sĩ ngồi hẳn trên nóc xe (Photo by Francoise Demulder, 1975).

3/ Nhận xét và Giải thích :

- Các tin tức chính thức của Hanoi (dù đôi khi có trái ngược nhau), nhưng đều cho rằng xe tăng T.54 số 843 của Bùi Quang Thận, hoặc xe tăng T.59 số 390 của Vũ Đăng Toàn, chính là một trong số hai xe tăng bắc quân đầu tiên vào tới nội vi khuôn viên Dinh Độc Lập.

Khẳng định này không hợp lý. Trên nguyên tắc và với thực tế bố trí đội hình hành quân theo hàng dọc, trong tư thế sẵn sàng chiến đấu của bất kỳ đơn vị tác chiến nào - ở đây là đơn vị xe tăng, thì xe tăng của đại đội trưởng (Bùi Quang Thận), hoặc xe tăng của chính trị viên đại đội (Vũ Đăng Toàn), thường không thể ở vị trí dẫn đầu đoàn xung kích, ít ra cũng phải có 1 – 2 xe tăng đảm nhiệm vai trò khinh binh. Do đó xe tăng số 879 của Bùi Đức Mai là đáp ứng thỏa đáng nhất cho nhiệm vụ mở đường, đi đúng hướng dẫn và mới là xe tăng đầu tiên vào Dinh Độc Lập. Đồng thời do tới sớm nhất một mình, thiếu sự phối hợp yểm trợ, nên xe 879 cũng đã phải bắn vài loạt đạn 12,7li uy hiếp, như ghi

nhận của Borries Gallasch.

- Các tin tức của Hanoi cũng đều cho rằng các cánh cổng Dinh Độc Lập đều đóng, (vài tài liệu còn hoang tưởng hơn khi cho rằng hàng rào và cổng Dinh Độc Lập đều có truyền điện cao thế??), khiến các xe tăng bắc quân phải húc đổ cổng khi tràn vào dinh. Đây chỉ là lối khoa trương, vẽ vời thêm râu ria cho tư thế hùng dũng của quân đội nhân dân. Ngoài xác nhận cổng Dinh Độc Lập hoàn toàn mở ra của các nhân chứng tại chỗ Nhan Hữu Hậu, Borries Gallasch, thì chi tiết cổng Dinh Độc Lập đóng và việc mô tả xe tăng bắc quân phải húc đổ cánh cổng đang đóng, cũng hoàn toàn không hợp lý về mặt thực hành trên thực tế.

-Nếu cổng đóng và khóa chặt, thì với sức húc và tốc độ tối đa của các khối sắt thép nặng 40 tấn như T.54 và T.59, ít nhất cũng sẽ phá đổ luôn các trụ cổng, cánh cổng, cùng một đoạn hàng rào của Dinh Độc Lập.

-Nếu cổng đóng thì trước khi mũi xe tăng húc được cánh cổng, nòng đại bác 100li nhô dài ra phía trước, phải lọt vào các khe gióng sắt, kéo xé toạc bản lề và sẽ “treo” luôn cánh cổng vào thân súng. Xe tăng không thể “dẫm” lên cánh cổng, như các sản phẩm dàn dựng, tuyên truyền của phóng viên Trần Mai Hạnh thuộc thông tấn xã Hanoi thực hiện trong ngày 1/5/1975.

-Chiếc xe tăng kém may mắn số 879 bị xóa tên trong lịch sử (Hình số 4) và chiếc xe tăng số 390 suýt bị bỏ quên (Hình số 5), đều là nạn nhân của thói quan liêu, bản giấy và bản chất theo gió bỏ buồm của nhiều giới chức chỉ huy bắc quân đang ở tuyến sau, cũng như tâm thế huênh hoang, chộp giựt và “nghe hơi nồi chõ” của đám phóng viên thông tấn xã Hanoi đi theo đoàn quân.

..... Theo Trung tá Bùi Văn Tùng, khi biết Bùi Quang Thận cấm cờ, mọi người đều suy ra Thận cấm cờ thì xe 843 phải là xe vào trước. Khi về tập trung tại Long Bình (ngày 1/5/1975), dù xe 390 có báo cáo húc đổ cổng dinh, nhưng báo chí đã (lờ) nói là xe 843, nên xa đội 390 cũng cho qua.

Về sau do vụ ai cấm cờ đã khá bầm dập (do tranh chấp giữa bộ binh là trung đoàn 66 với Đại úy Phạm Xuân Thệ, về sau được thăng cấp lên đến Trung tướng, tư lệnh quân đoàn 2, tư lệnh quân khu 1, với bộ chỉ huy lữ đoàn 203 xe tăng, mà tất cả các cấp liên hệ như Nguyễn Tất Tài, Bùi Văn Tùng, đều lần lượt giải ngũ với cấp bậc Đại tá, trong đó Bùi Quang Thận tuy khi giải ngũ lên tới cấp Đại tá, nhưng cũng chỉ được truy tặng danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang sau khi đã qua đời hai năm), nên nhiều người suy nghĩ cãi chính làm chi cho thêm phức tạp. Kế tiếp là Vietnam xảy ra xung đột với Trung Cộng, mà chiếc 390 lại là T.59 do Trung Cộng viện trợ, trong khi chiếc 843 là T.54 do Liên Xô viện trợ, nên càng không có ai bận tâm tới việc phải làm rõ sự kiện này (...). Trong những năm tiếp theo, xe tăng số 390 tiếp tục phải đánh nhau ở Cambodia và trên biên giới phía bắc, xa đội cũ cũng đều lần lượt giải ngũ (trong thập niên 80), lầm lũi mưu sinh và không có ý khơi lại sự việc để tìm kiếm vinh quang. Khi coi phim tài liệu, thấy cảnh Bùi Quang Thận cầm một lá cờ rất to, loại cờ không có trong các chiếc xe tăng đã tiến vào Dinh Độc Lập trong ngày 30/4/, Thiếu úy Lê Văn Phụng (đội phó kỹ thuật đội 4/1/203) đã phải tặc lưỡi cho rằng lịch sử đôi khi chỉ được làm bằng báo chí..... (Huy Đức – Trương Huy San, Bên thắng cuộc, 2012).

Xe tăng T.54B số 843 được tung hô và công nhận là báu vật bảo tàng năm 1979. Xe tăng T.59 còn may mắn trở về cuối thập niên 90, đúng vào lúc nhà nước cộng sản Hanoi đang có nhu cầu cấp thiết phải hàn gắn và níu kéo lại mối quan hệ đầu phục đàn anh Bắc Kinh, nên loại T.59 mới được khôi phục lại giá trị và vai trò của xe tăng 390 mới được xiển dương, mới được cho sánh vai cùng xe tăng 843 của «ông anh cả Xô Viết» để làm báu vật bảo tàng của quân đội năm 2011.

Chiếc xe tăng 879 hằm hiu hoàn toàn không còn được nhắc tới. Nó đã đi trước cột mốc lịch sử dưới nhãn quan

của đảng một bước, nên có lẽ nó đã là đồng sắt vụn, bởi vì sau đó không lâu lũ đoàn 203 xe tăng còn phải tiếp tục tham gia vào hai cuộc chiến tranh biên giới diễn ra trong năm 1979.



Hình số 4: Xe tăng số 879 và xa đội là chiếc đầu tiên đã vào trong sân cỏ Dinh Độc Lập (Photo by Jean Claude Labbe, 1975)



Hình số 5: Xe tăng 390 trước Dinh Độc Lập (Photo by Françoise Demuder, 1975)

Nguyễn Hoàng Dân. 08/2008.

(1) Thượng tướng bắc quân Nguyễn Hữu An, Nguyễn Tư Đương chấp bút, Chiến trường mới, 2002, Đại tá bắc quân Đào Văn Xuân, Nước mắt dành cho ngày gặp mặt, 2011.

(2) Đại tá bắc quân Nguyễn Khắc Nguyệt, Hành trình đến Dinh Độc Lập, 2008.

(3) Thiếu tá Nguyễn Văn Nghiêm, tiểu đoàn trưởng 12 Dù, Nhân chứng, dẫn bởi Ngy Thanh, Người thua cuộc đọc bên thắng cuộc, 2013.

(4) Thiếu tá Nhan Hữu Hậu, trưởng khối an ninh phủ Thủ tướng, Saigon trong cơn hấp hối 30/4/1975, 2011.

(5) Borries Gallasch, Saigon Hochiminh City : The Zero Hour (Reportage on the End of the Vietnam War), 1975